



Đặc điểm sinh học và khả năng sinh trưởng của gà Mụ Buôn nuôi tại Đắk Lắk

Trần Quang Hạnh¹, Ngô Thị Kim Chi¹, Bùi Thị Như Linh¹, Võ Văn Hùng¹, Hồ Nguyễn Thị Huyền Trân¹, Nguyễn Thị Thu² và Phạm Thế Huệ¹

¹Trường Đại học Tây Nguyên, ²Học viên cao học

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá một số đặc điểm sinh học và khả năng sinh trưởng của gà Mụ Buôn, một giống gà bản địa nuôi tại Đắk Lắk. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm i) nguồn gốc giống gà, ii) đặc điểm ngoại hình, iii) Một số chỉ tiêu sinh lý của gà Mụ Buôn, iv) sinh trưởng của gà Mụ Buôn. Các điều tra đánh giá được tiến hành tại 75 nông hộ thuộc 3 xã, tỉnh Đắk Lắk. Kết quả cho thấy giống gà Mụ Buôn được nông hộ duy trì từ nhiều đời 66,9%, trao đổi nguồn giống trong buôn làng 22,7%. Giống gà Mụ Buôn có tầm vóc nhỏ, có thể phân biệt đặc điểm giống thông qua các đặc điểm ngoại hình màu lông, kiểu mỏ, vẩy chân, chòm lông đầu. Gà Mụ Buôn thích nghi cao với điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Đắk Lắk, tỷ lệ nuôi sống cao 92,2% lúc 20 tuần tuổi. Khối lượng lúc 20 tuần tuổi con trống 1.394,7 g; con mái 1.307,6 g. Gà Mụ Buôn có thu nhận thức ăn từ 1-20 tuần tuổi ở con trống 46,3 g, con mái 44,3 g.

Từ khóa: Gà Mụ Buôn, Đắk Lắk, nguồn gốc giống gà, đặc điểm sinh học, bảo tồn.

Đặt vấn đề

Đắk Lắk được đánh giá địa phương có đa dạng sinh học cao ở trong nước, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi gia cầm. Gà Mụ Buôn là giống gà bản địa được thuần dưỡng lâu đời tại Đắk Lắk. Theo đánh giá của người chăn nuôi và người tiêu dùng, đây là giống gà bản địa có chất lượng thịt thơm ngon, vị ngọt đặc trưng, khả năng chống chịu bệnh cao và thích nghi với nuôi thả trong điều kiện tự nhiên ở tỉnh Đắk Lắk. Chăn nuôi gà đặc sản của địa phương như gà Mụ Buôn là một hướng đi nhằm bảo tồn và phát triển các giống gà quý hiếm của nước ta. Ngoài ra, chăn nuôi gà Mụ Buôn có ý nghĩa trong việc bảo tồn đa dạng sinh học và đa dạng di truyền giúp cho ngành chăn nuôi phát triển bền vững. Gà Mụ Buôn được nuôi nhiều ở trong các hộ đồng bào dân tộc tại chỗ tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có nghiên cứu, đánh giá toàn diện về gà Mụ Buôn trong điều kiện chăn nuôi nông hộ. Chính vì vậy, đề

có cơ sở khuyến cáo và định hướng phát triển chăn nuôi gà Mụ Buôn, nghiên cứu, đánh giá đặc điểm sinh học và sinh trưởng của gà Mụ Buôn trong điều kiện ở tỉnh Đắk Lắk là rất cần thiết. Nghiên cứu nhằm này nhằm mục đích cung cấp đặc điểm thông tin nhận dạng, một số thông tin kỹ thuật liên quan đến hiệu quả chăn nuôi đối tượng gà này trong điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Đắk Lắk. Nghiên cứu này nhằm hệ thống hóa các đặc điểm sinh học, sinh trưởng của gà Mụ Buôn cung cấp căn cứ để định hướng bảo tồn và phát triển giống gà. Trong chương trình quỹ gen của tỉnh Đắk Lắk chúng tôi tiến hành điều tra nguồn gốc, số lượng, cơ cấu đàn, theo dõi một số đặc điểm sinh học, sinh trưởng của gà Mụ Buôn.

Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá một số đặc điểm sinh học và khả năng sinh trưởng gà Mụ Buôn để bảo tồn nguồn gen, duy trì đa dạng sinh học và định hướng nghiên cứu phát triển nguồn gen gà Mụ Buôn trong sản xuất chăn nuôi của tỉnh Đắk Lắk.

Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Vật liệu nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành trên gà Mụ Buôn, với số lượng 50 con gà trưởng thành để điều tra các đặc điểm sinh học. Gà nuôi theo dõi sinh trưởng là gà Mụ Buôn (90 con) từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 4/2024 đến 4/2025

Địa điểm nghiên cứu: Điều tra các đặc điểm sinh học của gà Mụ Buôn tại 75 hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở 3 xã (Ea Đar, Hòa Sơn, Cư Dle'Mnông) thuộc 3 huyện của tỉnh Đắk Lắk (Ea Kar, Krông Bông, CưM'ga). Gà nuôi theo dõi sinh trưởng từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi được bố trí tại cơ sở chăn nuôi của HTX dịch vụ Nông nghiệp và hỗ trợ cộng đồng Tây Nguyên của tỉnh Đắk Lắk.

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá một số đặc điểm sinh học của gà Mụ Buôn nuôi tại Đắk Lắk.

Đánh giá sinh trưởng của gà Mụ Buôn nuôi tại Đắk Lắk.

Phương pháp nghiên cứu

Đánh giá đặc điểm sinh học của giống gà Mụ Buôn

Đánh giá nguồn gốc, đặc điểm sinh học của gà Mụ Buôn gồm màu lông, màu da chân, mào, chỏm lông đầu ở các thời điểm 01 ngày tuổi và 38 tuần tuổi bằng cách quan sát từng cá thể. Một số chỉ tiêu về kích thước các chiều đo cơ thể, lấy mẫu ngẫu nhiên 5 trống và 5 mái để đo kích thước một số chiều đo cơ thể gồm: Sâu đầu, dài đầu, chu vi đầu, dài đùi, dài lườn, vòng ngực được đo theo TCVN 13474-1:2022

Các chỉ tiêu sinh lý máu bao gồm số lượng hồng cầu (triệu/mm³), số lượng bạch cầu nghìn/mm³, hàm lượng Hb (g/lit).

Đánh giá khả năng sinh trưởng của gà Mụ Buôn

Theo dõi khả năng sinh trưởng của gà Mụ Buôn từ 1 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi, gà được nuôi theo phương thức công nghiệp với chế độ dinh dưỡng như đối với các giống gà lông màu và được ăn với chế độ ăn tự do, thức ăn được cân và ghi chép hàng ngày. Gà được nuôi bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh theo TCVN 2265:2007, chế độ ăn tự do. Mức năng lượng trao đổi (ME, Kcal/kg thức ăn) và tỷ lệ protein (CP, %) trong khẩu phần được cung cấp theo giai đoạn phát triển của gà, cụ thể: 22% CP và 3.000 Kcal ME cho giai đoạn từ 1 đến 4 tuần tuổi; 18% CP và 3.000 Kcal ME cho giai đoạn từ 5-10 tuần tuổi, và 16% CP và 3.030 Kcal ME cho giai đoạn từ 11 đến 20 tuần tuổi. Trong đó ở 4 tuần đầu, gà được nuôi trong chuồng úm, từ tuần thứ 5 gà được thả tự do ra sân chơi vào ban ngày. Khối lượng gà 01 ngày tuổi được cân bằng cân kỹ thuật có độ chính xác $\pm 0,05$ g; 1-4 tuần tuổi cân bằng cân đồng hồ loại 2 kg có độ chính xác ± 2 g; 5-20 tuần tuổi cân bằng cân đồng hồ loại 5 kg có độ chính xác ± 5 g, cân cố định vào một ngày trong tuần. Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm: Tỷ lệ nuôi sống (%), khối lượng gà qua các tuần tuổi (g/con), thu nhận thức ăn (g/con/ngày) và tiêu tốn thức ăn kgTA/kg tăng KL. Các chỉ tiêu sinh trưởng được thực hiện theo TCVN 13474-1:2022.

Xử lý số liệu

Xử lý số liệu Số liệu được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm Excel 2007 và Minitab 16 với sự sai khác được xác định ở mức $P < 0,05$.

Kết quả và thảo luận

Đặc điểm sinh học của gà Mụ Buôn

Nguồn gốc của gà Mụ Buôn nuôi tại Đắk Lắk

Kết quả điều tra nguồn gốc của gà Mụ Buôn nuôi tại 3 huyện của tỉnh Đắk Lắk (Ea Kar, Krông Bông, CưM'ga), tỉnh Đắk Lắk được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Nguồn gốc giống gà Mụ Buôn tại Đắk Lắk

Địa phương	Số hộ	Nguồn gốc tự có	Tỷ lệ (%)	Nguồn gốc trao đổi trong buôn	Tỷ lệ (%)	Nguồn gốc mua từ nơi khác	Tỷ lệ (%)
Ea Kar	25	15	60,0	7	28,0	3	12,0
Krông Bông	25	15	60,0	5	20,0	5	20,0
Cư M'ga	25	20	80,0	5	20,0	0	0
Tổng cộng	75	50	66,9	17	22,7	8	10,7

Kết quả tại Bảng 1 cho thấy: Gà Mụ Buôn được nuôi trong các nông hộ người dân tộc thiểu số tại tỉnh Đắk Lắk, gà Mụ Buôn có từ lâu đời gắn liền với sự phát triển nông nghiệp của người dân tại tỉnh Đắk Lắk. Nguồn giống gà tự sản xuất trong nông hộ người 66,9%, trao đổi trong cùng buôn 22,6% và nguồn giống mua từ bên ngoài về nuôi chiếm tỷ lệ thấp 10,7%. Nguồn gốc gà Mụ Buôn nuôi trong

nông hộ chủ yếu là nguồn giống có từ lâu đời, được kế thừa từ các đời trước cho con, cháu đời sau. Giống gà được nuôi lâu đời gắn liền với sự phát triển nông nghiệp của đồng bào tại chỗ tỉnh Đắk Lắk.

Đặc điểm ngoại hình giống gà Mụ Buôn

Kết quả theo dõi các đặc điểm ngoại hình ở gà Mụ Buôn 1 ngày tuổi được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Đặc điểm ngoại hình gà Mụ Buôn một ngày tuổi

STT	Bộ phận	Đặc điểm	n (Số con)	Tỷ lệ (%)
1	Lông	Vàng	30	33,3
		Xám	30	33,3
		Đen	30	33,3
2	Màu chân	Vàng	60	66,7
		Đen	30	33,3
3	Có chỏm lông đầu	Có rõ	30	33,3
		Không rõ	36	40,0
		Không có	24	26,7

Kết quả theo dõi các đặc điểm ngoại hình ở gà Mụ Buôn 1 ngày tuổi (Bảng 2) cho thấy gà con 1 ngày tuổi có 03 màu lông vàng, xám và đen với tỷ lệ phân bố đồng đều nhau 33,3%. Chân gà có 2 màu đen và vàng, trong đó chân màu

vàng chiếm tỷ lệ 66,7%, chân màu đen chiếm tỷ lệ 33,3%. Gà con có chỏm lông trên đầu rõ chiếm 33,3%, những con không rõ chiếm 40% và không có chiếm 26,7%, chỏm lông trên đầu là đặc điểm dễ nhận biết đối với gà Mụ Buôn.

Bảng 3. Đặc điểm ngoại hình của gà Mụ Buôn lúc trưởng thành

Bộ phận	Đặc điểm	Trống		Mái	
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
Chỏm lông đầu	Rõ	20	80	21	84
	Không rõ	5	20	4	16
Mào	Mào đơn	21	84	22	88
	Mào nụ	4	16	3	12
Lông cổ	Vàng óng	18	72	-	-
	Vàng sẫm	7	28	5	20
	Xám pha tia đen	-	-	20	80

Bộ phận	Đặc điểm	Trống		Mái	
		n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
Lông thân	Vàng pha đen	15	60	-	-
	Vàng sẫm	7	28	5	20
	Xám tro tia đen	-	-	12	48
	Hoa mơ	-	-	5	20
	Trắng đen	3	12	3	12
Lông đuôi	Dài	25	100	-	-
	Ngắn	-	-	25	100
Màu da thân	Vàng	25	100	25	100
Màu da chân	Vàng	22	88	23	92
	Đen	3	12	2	8

Đặc điểm ngoại hình của gà Mụ Buôn (Bảng 3) cho thấy gà trống có màu lông toàn thân màu vàng pha đen 60%, vàng sẫm 28%, lông trắng đen 12%. Gà mái có màu lông vàng xẫm 20%, xám tro pha tia đen 48%, hoa mơ 20%, trắng đen 12%, gà có chòm lông mọc trên đầu rõ ở con trống là 80%, con mái là 84%.

Mào: Gà trống có mào đơn 84% và 16% mào nụ, gà mái có 88% mào đơn và 12% mào nụ.

Chân: Chân gà Mụ Buôn nhỏ và ngắn, màu vàng là chủ yếu: Ở gà trống 88% chân màu vàng và 12% chân màu đen, tương ứng ở gà mái là 92 và 8%.

Một số chỉ tiêu sinh lý của gà Mụ Buôn

Một số chỉ tiêu sinh lý như hồng cầu, bạch cầu, huyết sắc tố của gà Mụ Buôn được trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4. Số lượng hồng cầu, bạch cầu, huyết sắc tố của gà Mụ Buôn

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Gà trống	Gà mái	TB trống mái (n=6)	P = value
		Mean ± SD (n=3)	Mean ± SD (n=3)		
Hồng cầu	Triệu/mm ³	2,61 ± 0,27	2,23 ± 0,41	2,42 ± 0,37	0,256
Bạch cầu	Nghìn/mm ³	126,67 ± 2,34	121,90 ± 5,45	124,28 ± 4,57	0,236
Huyết sắc tố	Gam/lit	14,87 ± 1,56	11,97 ± 2,03	13,42 ± 2,27	0,121

Các kết quả được trình bày trong Bảng 4 cho thấy số lượng hồng cầu của gà trống và gà mái tương ứng 2,61 và 2,23 triệu/mm³ máu, tính chung cho gà trống và gà mái đạt 2,42 triệu/mm³ máu, số lượng hồng cầu ở gà trống cao hơn gà mái, tuy nhiên sai khác không có ý nghĩa thống kê (P>0,05). Theo Nguyễn Quang Mai và Cù Xuân Dân (2007) cho thấy số lượng hồng cầu ở gà biến động 2,5 - 3,2 triệu/mm³. Nguyễn Thị Tường Vi (2015) cho thấy gà lai (Gà Kiến × Gà Tam Hoàng) có số lượng hồng cầu ở gà trống 2,63 triệu/mm³, gà mái 2,42 triệu/mm³.

Huyết sắc tố (hàm lượng hemoglobin (Hb)) ở gà trống 14,87 (g%), gà mái 11,97 (g%) hàm

lượng Hb trung bình 13,42 (g%). Hàm lượng Hb ở gà trống cao hơn gà mái tuy nhiên sai khác không có ý nghĩa thống kê (P>0,05).

Số lượng bạch cầu của gà trống 126,67 nghìn/mm³ máu, gà mái 121,90 nghìn/mm³ máu, trung bình đạt 124,28 nghìn/mm³ máu, số lượng bạch cầu ở gà trống cao hơn gà mái tuy nhiên sai khác không có ý nghĩa thống kê (P>0,05). Nguyễn Tiến Dũng (2016) cho thấy gà Cáy Cùm có số lượng bạch cầu 191,39 nghìn/mm³ máu ở gà trống và 181,85 nghìn ở gà mái. Nhìn chung các chỉ tiêu số lượng hồng cầu, hàm lượng hemoglobin (Hb), số lượng bạch cầu ở gà Mụ Buôn nằm trong giới hạn sinh lý của các giống gà màu ở trong nước.

Khả năng sinh trưởng của gà Mụ Buôn

Tỷ lệ nuôi sống của giống gà Mụ Buôn

Tỷ lệ nuôi sống của gà Mụ Buôn giai đoạn từ 01 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi được trình bày cho thấy đến 6 tuần tuổi đạt 94,4%, đến 15 tuần tuổi đạt 93,3%, lúc 20 tuần tuổi đạt 92,2%. Ngô Thị Kim Cúc và cs. (2013) cho thấy tỷ lệ nuôi sống của gà Mía từ mới 0 đến

8 tuần tuổi là 88,7 - 89,9% và 9-20 tuần tuổi là 86,2%. Dương Thu Hương và cs. (2023) cho biết tỷ lệ nuôi sống gà Vạn Linh 1-18 tuần tuổi là 95,8%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ nuôi sống đến 20 tuần tuổi của gà Mụ Buôn đạt 92,2% là khá cao, tương đương với gà Đông Tảo, cao hơn so với gà Mía, gà Nhiều ngón và gà Lạc Thủy, nhưng thấp hơn so với gà Vạn Linh.

Bảng 5. Tỷ lệ sống của gà Mụ Buôn tại Đắk Lắk

Tuổi (tuần)	Đầu tuần (con)	Cuối tuần (con)	Tỷ lệ nuôi sống từng tuần (%)	Tỷ lệ sống cả kỳ (%)
1	90	88	97,77	97,8
2	88	87	98,86	96,7
3	87	87	100	96,7
4	87	87	100	96,7
5	87	87	100	96,7
6	87	85	97,7	94,4
7	85	84	98,8	93,3
8	84	84	100	93,3
9	84	84	100	93,3
10	84	84	100	93,3
11	84	84	100	93,3
12	84	84	100	93,3
13	84	84	100	93,3
14	84	84	100	93,3
15	84	84	100	93,3
16	84	83	98,8	92,2
17	83	83	100	92,2
18	83	83	100	92,2
19	83	83	100	92,2
20	83	83	100	92,2
Tỷ lệ nuôi sống đến 20 tuần tuổi				92,2

Kích thước một số chiều đo của gà Mụ Buôn

Lấy mẫu ngẫu nhiên 5 trống và 5 mái để đo kích thước một số chiều đo cơ thể lúc 20 tuần

tuổi gồm: Sâu đầu, dài đầu, chu vi đầu, dài đùi, dài lườn, vòng ngực. Kết quả được trình bày tại Bảng 6.

Bảng 6. Kích thước các chiều đo của gà Mụ Buôn lúc 20 tuần tuổi

Chỉ tiêu	Trống		Mái		p
	n	Mean ± SD	n	Mean ± SD	
Sâu đầu	5	3,54 ^a ± 0,18	5	3,12 ^b ± 0,16	0,005
Dài đầu	5	6,52 ± 0,48	5	6,12 ± 0,21	0,125
Chu vi đầu	5	12,38 ^a ± 0,11	5	11,38 ^b ± 0,59	0,005
Dài đùi	5	13,52 ^a ± 0,40	5	12,40 ^b ± 0,56	0,011
Dài lườn	5	14,64 ^a ± 0,40	5	13,90 ^b ± 0,30	0,011
Vòng ngực	5	26,78 ± 0,80	5	25,98 ± 0,40	0,08

Ghi chú: ^{a,b}: Trong cùng hàng các giá trị mang chữ cái khác nhau có sai khác thống kê ($p < 0,05$)

Kích thước một số chiều đo của gà Mụ Buôn cho thấy lúc 20 tuần tuổi, gà Mụ Buôn có kích thước một số chiều đo như sau: sâu đầu ở gà trống 3,54 cm, gà mái 3,12 cm, sai khác có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), chu vi đầu ở gà trống 12,38 cm, gà mái 11,38 cm, gà trống có chu vi đầu lớn hơn gà mái, sai khác có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Chiều đo dài đuôi ở gà trống 13,52 cm gà mái 12,40 cm, dài đuôi trung bình là 12,96 cm. Dài lườn con trống 14,64 cm, con mái 13,90 cm dài lườn trung bình 14,27 cm. Vòng ngực ở con trống 26,78 cm, con mái 25,98 cm, vòng ngực trung bình 26,38 cm. Kết quả này cho thấy dài đuôi của gà Mụ Buôn lúc 20 tuần tuổi là 13,52 cm, thấp hơn so với gà Tiên Yên (20,1 cm) (Nguyễn Đình Tiến, 2020). Dài lườn của gà Mụ Buôn tương đương với chiều dài lườn (14,22 cm) của gà Cáy Cùm (Nguyễn Tiến Dũng, 2016). Các các chỉ tiêu như vòng ngực, dài đuôi ở gà

Mụ Buôn ngắn hơn gà Cáy Cùm theo công bố của Nguyễn Tiến Dũng (2016). Gà Mụ Buôn có vòng ngực 26,38 cm tương đương với vòng ngực gà nhiều Cựa theo công bố của Nguyễn Thị Bích Đào và cs. (2011), gà Nhiều cựa có vòng ngực con trống và 28,77 cm, ở con mái 25,66 cm. Gà Mụ Buôn thuộc nhóm gà có tầm vóc nhỏ, kết cấu cơ thể cân đối, thích nghi với chế độ nuôi quảng canh theo hướng sản xuất cả thịt và trứng ở từng hộ gia đình. Trong tương lai gà Mụ Buôn được chọn lọc, tiến hành nuôi thâm canh thì gà Mụ Buôn sẽ được coi là một đặc sản.

Sinh trưởng của giống gà Mụ Buôn

Khả năng sinh trưởng của gà Mụ Buôn tăng dần từ 1 ngày tuổi đến 20 tuần tuổi, Khối lượng (KL) gà trống 6-20 tuần tuổi cao hơn so với gà mái là hoàn toàn phù hợp với quy luật sinh trưởng của gia cầm (Bảng 7).

Bảng 7. Khối lượng tích lũy của gà Mụ Buôn

Tuần tuổi	n	Chung trống mái		p		
		Mean ± SE				
1nt	86	32,9 ± 3,5				
4	86	234,7 ± 24,1				
		Gà trống		Gà mái		
		n	Mean ± SD	n	Mean ± SD	
5	41	41	253,8 ^a ± 15,9	41	227,9 ^b ± 17,6	<0,001
8	41	41	733,8 ^a ± 85,1	41	600,0 ^b ± 67,3	<0,001
12	41	41	973,7 ^a ± 91,0	41	847,0 ^b ± 46,2	<0,001
16	41	41	1.224,4 ^a ± 208,7	41	1.123,0 ^b ± 183,6	0,02
20	41	41	1.394,7 ± 273,0	41	1.307,6 ± 118,6	0,09

Ghi chú: Những giá trị trung bình trong cùng hàng mang các chữ cái khác nhau thì sai khác có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$)

Khối lượng gà trống ở 20 tuần tuổi là 1.394,7 g/con và gà mái là 1.307,6 g/con. Khối lượng gà Mụ Buôn thấp hơn so với gà Ri Lạc Sơn lúc 15 tuần tuổi, con trống nặng 1.519,3 g và con mái là 1.148,7 g (Nguyễn Hoàng Thịnh và Nguyễn Thị Châu Giang, 2020); gà Tiên Yên 16 tuần tuổi con trống là 1.685 g con, gà mái là 1.372,1 g (Nguyễn Đình Tiến và cs., 2020); gà Vạn Linh lúc 18 tuần tuổi con trống là 2.244,34

g, con mái 1.879,13 g (Dương Thu Hương và cs., 2023); Gà Mụ Buôn có khối lớn hơn gà Hon Chu lúc 20 tuần tuổi (780 g ở con trống và 670 g ở con mái) (Saykham Souksanith và Đặng Vũ Bình, 2018). Gà Mụ Buôn có khối lượng tương đương gà H'Mông lúc 12 tuần tuổi (1.195,7 g/con ở con trống và 1.101 g/con ở con mái) (Nguyễn Thị Phương và cs. (2017) cho thấy gà H'Mông).

Bảng 8. Thu nhận thức ăn của gà Mụ Buôn từ 1 - 20 tuần tuổi (g)

Tuần tuổi	Gà trống		Gà mái		P
	n	Mean ± SE	n	Mean ± SE	
1-4	30	5,5 ± 2,1	28	6,5 ± 2,4	0,432
5-8	30	22,7 ± 7,8	28	21,0 ± 4,9	0,552
9-12	30	44,79 ± 6,5	28	42,5 ± 5,9	0,481
13-16	30	69,8 ± 8,9	28	65,6 ± 7,9	0,345
17-20	30	88,9 ± 6,0	28	85,89 ± 6,8	0,410
1-20	30	46,3 ± 31,7	28	44,3 ± 32,2	0,77

Lượng thức ăn thu nhận (LTATN) của gà Mụ Buôn tăng dần theo độ tuổi, tính trung bình cho cả giai đoạn nuôi ở gà trống 46,3 g/con/ngày, gà mái 44,3 g/con/ngày. Gà trống có thu nhận thức ăn cao hơn gà mái tuy nhiên sai khác không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). LTATN ở gà Mụ Buôn thấp hơn so với LTATN của gà Ri Lạc Sơn là 50,146 g/con/ngày (Nguyễn Hoàng Thịnh và Nguyễn Thị Châu Giang 2020), gà Lòng Cầm là 51,86 g/con/ngày (Nguyễn Bá Mùi và cs., 2012). LTATN của gà Mụ Buôn thấp hơn so với gà Vạn Linh 60,93 g/con/ngày (Dương Thu Hương và cs., 2023). Nguyễn Thị Phương và cs. (2017) cho thấy gà H'Mông có thu nhận thức ăn trung bình 42,8 g/con/ngày

Kết luận

Gà Mụ Buôn có tầm vóc nhỏ, có thể phân biệt đặc điểm giống thông qua các đặc điểm ngoại hình màu lông, kiểu mỏ, vẩy chân, chỏm lông đầu. Gà Mụ Buôn có các chỉ tiêu sinh lý bình thường số lượng Hồng cầu 2,42 triệu/mm³, số lượng bạch cầu 124,28 nghìn/mm³, hàm lượng huyết sắc tố 13,42 g/lit.

Gà Mụ Buôn thích nghi cao với phương thức nuôi công nghiệp có tỷ lệ nuôi sống cao 92,2%. Gà Mụ Buôn thuộc nhóm gà có khối lượng thấp, lúc 20 tuần tuổi đạt khối lượng 1.3947 gam/con ở gà trống và 1.307,6 g/con ở gà mái, cũng trong giai đoạn này gà Mụ Buôn thu nhận 46,3 g/con/ngày ở gà trống và 44,3 g/con/ngày ở gà mái.

Tài liệu tham khảo

- Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Trần Trung Thông, Nguyễn Thị Minh Tâm và Phạm Thị Bích Hương. 2013. Bảo tồn và khai thác nguồn gen gà Mía, Chuyên khảo Bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. tr. 162-171.
- Nguyễn Tiến Dũng. 2016. Nghiên cứu đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà Cáy Cùm nuôi tại Thái Nguyên. Luận Văn Thạc sỹ. Đại học Thái Nguyên
- Nguyễn Thị Bích Đào, Nguyễn Thị Kim Lan, Nguyễn Đức Trường, Dương Thị Hồng Duyên Phạm Diệu Thủy, Trần Nhật Thắng, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Quang Lâm. 2022. Kích thước các chiều đo và khả năng sinh trưởng Của gà Nhiều Cựa tại tỉnh Thái Nguyên. Số 228 (01), tr. 248-253
- Dương Thu Hương, Nguyễn Thị Châu Giang, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Khánh Toàn, Đặng Thúy Nhung, Nguyễn Hoàng Thịnh. 2023. Đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của gà Vạn Linh. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 21(5), tr. 560-569.
- Nguyễn Quang Mai, Cù Xuân Dần. 2007. Sinh lý học vật nuôi, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 20-27
- Nguyễn Bá Mùi, Nguyễn Chí Thành, Lê Đức Anh và Nguyễn Bá Hiếu. 2012. Đặc điểm ngoại hình và khả năng cho thịt của gà địa phương lông cầm tại Lục Ngạn, Bắc Giang. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 10(7), tr. 978-85
- Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Văn Duy và Vũ Đình Tôn. 2017. Khả năng sinh trưởng và chất lượng thịt của gà H'Mông nuôi theo phương thức công nghiệp. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 15(4), tr. 438-445
- Saykham Souksanith và Đặng Vũ Bình. 2018. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của gà Hon Chu. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 2018. Tập 16. Số 12, tr. 1039 - 1048

TCVN 13474-1:2022. Quy trình khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi. Phần 1: Giống gia cầm

Nguyễn Hoàng Thịnh và Nguyễn Thị Châu Giang. 2020. Đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà Lạc Thủy nuôi trong nông hộ. KHKT Chăn nuôi. Số 256, tr. 8-13

Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Công Oánh, Nguyễn Văn Duy, Vũ Đình Tôn. 2020. Đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của gà Tiên Yên.

Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 18(6), tr. 423-433.

Nguyễn Thị Tường Vi. 2015. Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh lí máu Của 2 tổ hợp lai (gà Đá x gà Tam Hoàng) và (gà Kiến x gà Tam Hoàng) Ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế tạp chí Khoa học ĐHSP tp HCM Số 5(70) năm 2015. Tr. 149-157

ABSTRACT

Biological and growth characteristics of Mnu Buon chickens raised in Dak Lak province

This study aims to evaluate several biological and growth characteristics of the Mnu Buon chicken, a native breed raised in Dak Lak province. The evaluation criteria include: i) breed origin, ii) morphological characteristics, iii) some physiological indicators, iv) growth of the Mnu Buon chicken. The evaluation surveys were conducted in 75 farming households across 3 communes in Dak Lak province. The results showed that the Mnu Buon chicken breed has been maintained by farming households for many generations (66.9%), and the breed was exchanged within the village (22.7%). The Mnu Buon chicken breed is small in size and can be distinguished by its physical characteristics such as feather color, comb type, leg scales, and head feather crest. Mnu Buon chickens adapt well to the farming conditions in Dak Lak province, with a high survival rate of 92.2% at 20 weeks of age. At 20 weeks, the weight of males and females obtained 1,394.7 g and 1,307.6 g respectively. Mnu Buon chickens have a feed intake of 46.3 g for males and 44.3 g for females from 1-20 weeks of age.

Keywords: *Mnu Buon chicken, Dak Lak, breed origin, biological characteristics, conservation.*

Người phản biện: TS. Phạm Hải Ninh